

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**
Mã chứng khoán: **HAP**
Địa chỉ trụ sở chính: **Tầng 3, Tòa nhà Green, Số 7 Lô 28A đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.**
Điện thoại: **(84 225) 3556 002**
Fax: **(84 225) 3556 008**
Người công bố thông tin: **Vũ Xuân Thịnh – Phó TGD**

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên đã kiểm toán năm 2023, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO: www.hapaco.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 28/8/2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Vũ Xuân Thịnh

Số: 11 /2023/CV-HAP

"V/v giải trình BCTC riêng bán niên năm 2023
sau soát xét của kiểm toán"

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2023

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước hoặc bị lỗ. Về vấn đề này, Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO giải trình thay đổi của lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 trong Báo cáo tài chính riêng đã soát xét của Công ty như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2023: 2.170.534.971 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022: 3.902.150.141 đồng.
- Chênh lệch giảm: 1.731.615.170 đồng. Tỷ lệ : 55,62% so cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân:

Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco (Công ty mẹ) là hoạt động đầu tư tài chính. 6 tháng đầu năm 2023, tình hình kinh doanh tại các Công ty con trở nên khó khăn hơn, lợi nhuận không được như 6 tháng đầu năm 2022.

Bên cạnh đó, do tình hình khó khăn chung, các đối tác kinh doanh và đầu tư có kết quả kinh doanh không tốt, Công ty đã đánh giá và trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cũng làm tăng các khoản chi phí của Công ty.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Đây chính là những nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC riêng bán niên năm 2023 của Tập đoàn Hapaco giảm so với cùng kỳ năm trước

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC - PHỤ TRÁCH





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
HAPACO**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính
từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	1
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thùy	Phó chủ tịch	
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
- Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên	
- Ông Phí Trọng Phúc	Ủy viên	<i>Miễn nhiệm ngày 28/02/2023</i>
- Ông Phạm Công Ngữ	Ủy viên	<i>Bỏ nhiệm ngày 28/04/2023</i>
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	
- Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Xuân Thùy	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	
- Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Bùi Doãn Nhân	Phó Tổng Giám đốc	<i>Miễn nhiệm ngày 06/04/2023</i>

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Phạm Đức Phiên	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên
- Bà Khoa Thị Thanh Huyền	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Xuân Thùy - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Tổng Giám đốc được ông Vũ Dương Hiền ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 theo Giấy Ủy quyền số 80/2022/GUQ-HAP của Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 20/10/2022.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 3, toà nhà Green, số 7, Lô 28A, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 26. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính số III.1 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Vũ Xuân Thủy

Số: BC/BDO/2023. 506

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vấn đề khác

Số liệu so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét theo Báo cáo soát xét số 2005.01.01/2022/NVT2-BCTC ngày 23/08/2022 do đơn vị kiểm toán khác thực hiện với kết luận chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Nguyễn Hương Giang - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2021-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		527.560.069.171	590.094.601.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.542.074.873	121.517.838.059
1. Tiền	111		1.542.074.873	21.517.838.059
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		525.752.875.089	468.357.214.180
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.163.500	100.481.227
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.1	90.100.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.1	509.591.096.474	540.169.596.474
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(73.963.384.885)	(71.912.863.521)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		265.119.209	219.549.269
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		265.119.209	219.549.269
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		735.597.840.958	672.545.016.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		88.100.000.000	29.600.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.2	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3.2	63.100.000.000	4.600.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.363.694	17.727.176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.363.694	17.727.176
<i>Nguyên giá</i>	222		796.235.000	796.235.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(794.871.306)	(778.507.824)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		775.164.084	775.164.084
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		775.164.084	775.164.084
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	646.721.313.180	642.152.124.999
1. Đầu tư vào công ty con	251		196.627.461.496	196.627.461.496
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		442.173.116.090	442.173.116.090
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40.624.251.523	40.624.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.703.515.929)	(37.272.704.110)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.263.157.910.129	1.262.639.617.767

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.869.059.204	38.521.301.813
I. Nợ ngắn hạn	310		36.869.059.204	38.521.301.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.888.258.688	1.888.258.688
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	22.338.780.345	23.285.284.033
3. Phải trả người lao động	314		134.807.400	159.739.400
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		135.066.022	324.725.143
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	12.327.405.876	12.806.553.676
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.740.873	56.740.873
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.226.288.850.925	1.224.118.315.954
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1.226.288.850.925	1.224.118.315.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.110.977.720.000	1.110.977.720.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.895.944.671	29.895.944.671
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.234.041.664	46.234.041.664
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.751.934.590	41.581.399.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.581.399.619	6.581.539.223
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.170.534.971	34.999.860.396
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.263.157.910.129	1.262.639.617.767

Người lập biểu

Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Xuân Thủy

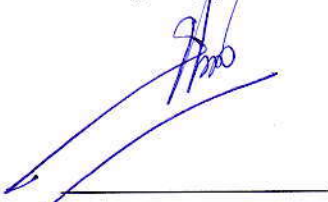
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****B02a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	7.225.695.467	4.576.176.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	(5.843.406.302)	(3.423.513.953)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	10.898.566.798	3.792.441.251
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.170.534.971	4.207.249.453
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.170.534.971	4.207.249.453
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	305.099.312
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.170.534.971	3.902.150.141

Người lập biểu


Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng


Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc phụ trách


Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B03a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.170.534.971	4.207.249.453
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.363.482	16.363.482
- Các khoản dự phòng	03		(2.518.666.817)	(3.428.593.486)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.225.695.467)	(4.576.176.751)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.557.463.831)	(3.781.157.302)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(501.752.213)	13.164.074.496
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(612.748.822)	2.849.832.674
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.027.493.787)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.000.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.711.458.653)	12.222.749.868
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(204.524.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(281.600.000.000)	(36.504.722.686)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.000.000.000	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(554.711.510.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		129.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.835.695.467	26.443.776.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.264.304.533)	(561.976.979.989)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B03a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	554.711.510.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	554.711.510.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(119.975.763.186)	4.957.279.879
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	121.517.838.059	71.945.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.542.074.873	5.029.225.152

Người lập biểu

Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng

Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 03 năm 2022.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là được tính theo năm dương lịch, thường không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong kỳ không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 5 công ty con và 1 công ty liên kết, chi tiết như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A, Tôn Đức Thắng, Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,91%	99,91%
2	Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai, Mai Châu, Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
4	Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy, Bắc Quang, Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
5	Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản, An Dương, Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	49,50%	49,50%

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 11 người (tại ngày 31/12/2022 là 12 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét theo Báo cáo soát xét số 2005.01.01/2022/NVT2-BCTC ngày 23/08/2022.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (“Báo cáo tài chính hợp nhất”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

• Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu về cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...).

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình đối với từng trường hợp được áp dụng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau khi đưa tài sản cố định vào hoạt động (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ và trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của công ty.

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ

Nhà cửa, vật kiến trúc

Phương tiện vận tải

Thiết bị quản lý

Số năm

05 - 25 năm

06 - 10 năm

03 - 05 năm

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

5. Nguyên tắc kế toán thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: Phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...).

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: Chi phí kiểm toán và phí lưu ký chứng khoán.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng về thuế được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu mua lại và giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

d) Nguyên tắc ghi nhận Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

Tỷ lệ trích lập: theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác. Chi phí tài chính của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XD CB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ; mua sắm bất động sản đầu tư (trường hợp cần có giai đoạn đầu tư xây dựng); Chi phí đầu tư XD CB bất động sản đầu tư; Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ, bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	217.734.656	28.038.108
Tiền gửi ngân hàng	1.324.340.217	21.489.799.951
Cộng	1.542.074.873	21.517.838.059
Các khoản tương đương tiền (*)	-	100.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	1.542.074.873	121.517.838.059

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tên đơn vị	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	196.627.461.496	(7.347.798.553)	189.279.662.943	196.627.461.496	(7.112.232.387)	189.515.229.109
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	41.628.175.931	-	41.628.175.931	41.628.175.931	-	41.628.175.931
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	12.891.166.000	-	12.891.166.000	12.891.166.000	-	12.891.166.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	7.238.119.565	-	7.238.119.565	7.238.119.565	-	7.238.119.565
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	126.870.000.000	(7.347.798.553)	119.522.201.447	126.870.000.000	(7.112.232.387)	119.757.767.613
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	442.173.116.090	(233.361.853)	441.939.754.237	442.173.116.090	-	442.173.116.090
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	442.173.116.090	(233.361.853)	441.939.754.237	442.173.116.090	-	442.173.116.090
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	40.624.251.523	(25.122.355.523)	15.501.896.000	40.624.251.523	(30.160.471.723)	10.463.779.800
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	(8.122.355.523)	15.501.896.000	23.624.251.523	(13.160.471.723)	10.463.779.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Cộng	679.424.829.109	(32.703.515.929)	646.721.313.180	679.424.829.109	(37.272.704.110)	642.152.124.999

Thông tin chi tiết của các công ty con, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại thuyết minh số I.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các giao dịch với giữa Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2 - Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC của công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác là BCTC của Công ty đầu tư tự lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

3. Phải thu khác**3.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu khác các bên liên quan	279.943.372.504	181.021.872.504
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	10.170.000.000	7.170.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	1.420.000.000	1.590.000.000
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	6.080.000.000	7.280.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	3.535.875.000	3.535.875.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	1.839.922.000	2.079.922.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng - góp vốn thừa	298.753.821	298.753.821
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	113.935.803.901	117.404.303.901
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	663.017.782	663.017.782
Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm ông Vũ Dương Hiền	142.000.000.000	41.000.000.000
Phải thu các đối tượng khác	229.647.723.970	359.147.723.970
Tạm ứng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	28.018.504.970	28.018.504.970
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư chứng khoán	45.450.000.000	45.450.000.000
Tạm ứng cho Văn phòng đại diện tập đoàn thực hiện dự án tại số 47 Phố Mới, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thực hiện dự án Bệnh viện Việt - Hàn - Trung tâm chăm sóc người Cao tuổi Thủy Nguyên	8.397.819.000	8.397.819.000
Phải thu của công nợ ứng trước cho các cá nhân thực hiện các công việc cho Công ty	9.471.400.000	9.471.400.000
Ông Phạm Xuân Sơn - tiền bán cổ phần	67.800.000.000	139.300.000.000
Ông Vũ Văn Quỳnh - tiền bán cổ phần	70.500.000.000	128.500.000.000
Cộng	509.591.096.474	540.169.596.474

3.2 Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu khác các bên liên quan	63.100.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	4.600.000.000	4.600.000.000
Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm ông Vũ Dương Hiền	58.500.000.000	-
Cộng	63.100.000.000	4.600.000.000

4. Phải thu về cho vay**4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu về cho vay các bên khác	90.100.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hà Phương	90.100.000.000	-
Cộng	90.100.000.000	-

4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu về cho vay các bên liên quan	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	25.000.000.000	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	-	25.000.000.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

5. Nợ xấu*Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc không quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi*

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	28.018.504.970	-	28.018.504.970	-
Hoàng Văn Vịnh	9.471.400.000	-	9.471.400.000	-
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	663.017.782	-	663.017.782	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	8.135.875.000	-	8.135.875.000	-
Nguyễn Tuấn Anh - Ủy thác đầu tư chứng khoán	45.450.000.000	21.105.231.867	45.450.000.000	19.825.934.231
Ông Bùi Doãn Nhân - Phải thu của công nợ ứng trước cho các cá nhân thực hiện các công việc cho Công ty	7.397.819.000	4.068.000.000	-	-
Cộng	99.136.616.752	25.173.231.867	91.738.797.752	19.825.934.231

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Số cuối kỳ	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	473.177.369	200.000.000	105.330.455	778.507.824
Khấu hao trong kỳ	16.363.482	-	-	16.363.482
Số cuối kỳ	489.540.851	200.000.000	105.330.455	794.871.306
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	17.727.176	-	-	17.727.176
Số cuối kỳ	1.363.694	-	-	1.363.694

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 305.330.455 VND (tại ngày 31/12/2022 là 305.330.455 VND).

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600
Các nhà cung cấp khác	594.214.088	594.214.088
Cộng	1.888.258.688	1.888.258.688

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.681.558.873	-	1.027.493.787	20.654.065.086
Thuế thu nhập cá nhân	1.603.725.160	742.761.947	661.771.848	1.684.715.259
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	23.285.284.033	745.761.947	1.692.265.635	22.338.780.345

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

9. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các bên liên quan	11.463.668.543	11.463.668.543
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	11.463.668.543	11.463.668.543
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	863.737.333	1.342.885.133
Kinh phí công đoàn	48.036.540	23.044.340
Bảo hiểm xã hội	29.335.200	31.120.200
Bảo hiểm y tế	5.176.800	5.491.800
Bảo hiểm thất nghiệp	1.400.800	1.540.800
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	363.601.800	865.501.800
Cổ tức phải trả cổ đông	31.937.770	31.937.770
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	384.248.423	384.248.423
Cộng	<u>12.327.405.876</u>	<u>12.806.553.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

10. Vốn chủ sở hữu**10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	556.266.210.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	46.234.041.664	51.846.460.023	679.671.866.358
Tăng vốn trong năm	554.711.510.000	-	-	-	-	554.711.510.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.999.860.396	34.999.860.396
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(44.376.920.800)	(44.376.920.800)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(888.000.000)	(888.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	46.234.041.664	41.581.399.619	1.224.118.315.954
Số dư đầu kỳ	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	46.234.041.664	41.581.399.619	1.224.118.315.954
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.170.534.971	2.170.534.971
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	-	(40.000.000.000)	40.000.000.000	-
Số dư cuối kỳ	1.110.977.720.000	29.895.944.671	(4.570.790.000)	6.234.041.664	83.751.934.590	1.226.288.850.925

(*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 56/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023 thông qua việc sử dụng 40 tỷ đồng từ Quỹ đầu tư phát triển chuyển về chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để đảm bảo đủ số tiền chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 5%/Vốn điều lệ. Sau khi điều chuyển quỹ đầu tư phát triển, tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hình thành đến thời điểm 31/12/2022 là 76.073.735.032 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

10.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ông Vũ Dương Hiền	143.683.340.000	143.683.340.000
Các cổ đông khác	967.294.380.000	967.294.380.000
Cộng	<u>1.110.977.720.000</u>	<u>1.110.977.720.000</u>

10.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.110.977.720.000	556.266.210.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	554.711.510.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	<u>1.110.977.720.000</u>	<u>1.110.977.720.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

10.4 Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	111.097.772	111.097.772
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu phổ thông	111.097.772	111.097.772
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu phổ thông	110.942.302	110.942.302
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.225.695.467	448.439.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.000.000.000	4.127.737.000
Cộng	<u>7.225.695.467</u>	<u>4.576.176.751</u>

2. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí tài chính khác	5.079.515	5.079.533
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(5.848.485.817)	(3.428.593.486)
Cộng	<u>(5.843.406.302)</u>	<u>(3.423.513.953)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.643.681.067	1.303.658.354
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.363.482	16.363.482
Thuế, phí và lệ phí	611.543.589	3.060.000
Chi phí dự phòng	3.329.819.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.202.077.666	1.023.375.310
Chi phí bằng tiền khác	89.218.358	1.445.984.105
Cộng	<u>10.898.566.798</u>	<u>3.792.441.251</u>

4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân công	1.643.681.067	1.303.658.354
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.863.636	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.363.482	16.363.482
Chi phí dự phòng	3.329.819.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.202.077.666	1.023.375.310
Chi phí khác bằng tiền	700.761.947	1.449.044.105
Cộng	<u>10.898.566.798</u>	<u>3.792.441.251</u>

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	305.099.312
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>-</u>	<u>305.099.312</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	2.170.534.971	4.207.249.453
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(2.910.781.642)	(2.681.752.895)
Các khoản điều chỉnh tăng	89.218.358	1.445.984.105
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	89.218.358	1.445.984.105
Các khoản điều chỉnh giảm	3.000.000.000	4.127.737.000
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN</i>	3.000.000.000	4.127.737.000
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	(740.246.671)	1.525.496.558
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	-	1.525.496.558
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	<u>-</u>	<u>305.099.312</u>

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	1.138.659.000	801.282.000
Vũ Dương Hiền	314.939.000	274.072.000
Vũ Xuân Thủy	217.619.000	151.292.000
Vũ Xuân Cường	202.263.000	123.284.000
Vũ Xuân Thịnh	185.695.000	98.988.000
Nguyễn Đức Hậu	37.800.000	16.200.000
Lê Như Tiến	-	-
Phí Trọng Phúc (thu nhập đến ngày 28/02/2023)	31.500.000	16.200.000
Đoàn Đức Luyện	37.800.000	-
Bùi Doãn Nhân (thu nhập từ ngày 28/04/2023)	111.043.000	121.246.000
Ban kiểm soát	300.502.999	192.793.436
Phạm Đức Phiên	37.800.000	16.200.000
Nguyễn Thị Mỹ Trang	124.052.500	92.552.000
Khoa Thị Thanh Huyền	138.650.499	84.041.436
Kế toán trưởng	65.140.701	-
Cao Thị Thủy Lan - Kế toán trưởng	65.140.701	-
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo	1.504.302.700	994.075.436
Các giao dịch khác	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT		
- Ủy quyền gửi tiền tiết kiệm	166.500.000.000	-
- Thu lại tiền ủy quyền gửi tiết kiệm	7.000.000.000	-
- Nhận lãi tiền gửi tiết kiệm ủy quyền	3.588.010.274	-
- Nhận chuyển nhượng cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	-	314.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Ông Vũ Xuân Cường - Thành viên HĐQT

- Nhận chuyển nhượng cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green - 68.000.000.000

Ông Vũ Xuân Thịnh - Thành viên HĐQT

- Nhận chuyển nhượng cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green - 40.000.000.000

Ông Vũ Xuân Thủy - Thành viên HĐQT

- Nhận chuyển nhượng cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green - 58.000.000.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Ông Vũ Dương Hiền là chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là Giám đốc Công ty
Công ty Cổ phần Bao bì Ông giấy Hải Dương	Ông Vũ Xuân Anh đại diện pháp luật của công ty là con của ông Vũ Xuân Thủy

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng		
Thu kinh phí Công đoàn	-	20.937.874
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	3.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	-	6.000.000.000
Chuyển tiền thanh toán	-	176.000.000
Các khoản chi hộ khác	-	50.411.260
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn		
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn chuyển tiền thanh toán	-	2.180.000.000
Thu tiền cổ tức	-	13.270.000.000
Chuyển tiền về Công ty mẹ	1.200.000.000	-
Góp vốn bổ sung	-	711.510.000
Công ty Cổ phần Hải Hà		
Công ty Cổ phần Hải Hà chuyển tiền thanh toán	-	270.000.000
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	-	2.190.000.000
Thu tiền cổ tức	-	2.190.000.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc		
Thu tiền cổ tức	170.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco		
Chuyển tiền về Công ty mẹ	-	6.790.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09a-DN**

Cho kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green		
Phải thu	4.000.000.000	-
Thu tiền cổ tức	7.468.500.000	6.797.600.000
Thanh toán công nợ	-	1.241.510.000
Góp vốn	-	74.000.000.000
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Thu tiền cho vay	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		
Phải thu tiền cổ tức	-	1.937.737.000
Thu tiền cổ tức	-	1.937.737.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco HN		
Cho vay	25.000.000.000	-

2.3 Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.9.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ số 2005.01.01/2022/NVT2-BCTC ngày 23/08/2022 do đơn vị kiểm toán khác thực hiện với kết luận chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Xuân Thủy